TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hiếu**
Ông **Nguyễn Văn Trình**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Thi Thị Hoàng Yến –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Lê Phượng** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2019 về "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS ngày 10/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27 ngày 29/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị Bích H,** sinh năm 1977; Địa chỉ: Kiệt 952/2 đường T, tổ 21, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Kiệt 952/2 đường T, tổ 21, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/20219 và bản tự khai ngày 25/3/2020 thì nguyên đơn bà Võ Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn T kết hôn với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng *(nay là phường H, quận C, TP Đà Nẵng)*, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại: 952/2 đường T, tổ 21, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Qúa trình chung sống đến tháng 6/2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa

hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân gia đình không hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không hàn ngắn được. Hiện bà không còn tình cảm, yêu thương ông Ngô Văn T, do đó bà Võ Thị Bích H yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn T.

Về quan hệ con chung: Bà Võ Thị Bích H xác định vợ chồng bà có 03 con chung tên: Ngô Thị Diễm Q, sinh ngày 25/6/1998; Ngô Quốc T, sinh ngày 23/3/2002; Ngô Nhật V, sinh ngày 08/6/2009. Ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Ngô Nhật V cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Ngô Văn T cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con Ngô Thị Diễm Q và Ngô Quốc T đều đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Võ Thị Bích H xác định không có.

Về nợ chung: Bà Võ Thị Bích H xác định không có.

Qú trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niên yết các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Ngô Văn T vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2020 cháu Ngô Nhật V có nguyện vọng ở với mẹ là bà Võ Thị Bích H.

Tại phiên tòa hôm nay bà Võ Thị Bích H khai nhận: Bà và ông Ngô Văn T phát sinh mâu thuẫn với nhau từ năm 2017, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hòa hợp, bản thân ông T ham mê cờ bạc, thiếu quan tâm, chăm sóc gia đình, từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 7/2019 vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau, quá trình sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện mâu thuẫn vợ chồng bà đã đến mức trầm trọng, không thể hàn ngắn được, bà không còn tình cảm yêu thường gì với ông T. Do đó bà H giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn T.

Về con chung: Ly hôn bà Võ Thị Bích H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Ngô Nhật V, sinh ngày 08/6/2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Ngô Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với các con Ngô Thị Diễm Q và Ngô Quốc T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung bà Võ Thị Bích H xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Qúa trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định tại các Điều từ Điều 239 đến Điều 243; Điều 247; Điều 249 đến Điều 252; Điều 258 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuyên thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Ngô Văn T chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mẫu thuẫn giữa vợ chồng bà Võ Thị Bích H và ông Ngô Văn T đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H, xử cho bà H được ly hôn ông Ngô Văn T.

Về con chung: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần trên cơ sở tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của các cháu. Ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháy Ngô Nhật V, sinh ngày 08/6/2009, yêu cầu của bà H phù hợp với nguyện vọng của cháu V, mặt khác từ khi vợ chồng bà ly thân cho đến nay thì cháu V ở với mẹ (bà H). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung Ngô Nhật V cho bà Võ Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng cháu Ngô Thị Diễm Q và Ngô Quốc T đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung bà H xác định không có nên không xem xét.

Về án phí: Bà Võ Thị Bích H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, bị đơn là ông Ngô Văn T có nơi cư trú tại: Kiệt 952/2 đường T, tổ 21, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đo, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Ngô Văn T: Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niên yết các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa đảm bảo đúng theo quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên suốt quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Văn T không có ý kiến phản hồi, tại phiên tòa ông T vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Ngô Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Võ Thị Bích H và ông Ngô Văn T kết hôn với nhau vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, TP Đà Nẵng *(nay là phường H, quận C, TP Đà Nẵng)*, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị Bích H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn T. Vì bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng bà đã đến mức trầm trọng, không thể hàn ngắn được. Xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Theo quy định tại điều 19 của Luật hôn nhân gia đình thì *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Nhưng giữa vợ chồng bà H, ông T không thực hiện được điều đó trong suốt quá trình chung sống. Theo bà H khai sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 6/2018 thì mẫu thuẫn vợ chồng bắt đầu trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau; bản thân ông Ngô Văn T thiếu sự quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con, ham mê cơ bạc từ đó dẫn đến nợ nần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn. Vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2019 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện bà không còn tình cảm, thương yêu gì đối với ông Ngô Văn T, nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn ới ông Ngô Văn T.

Lời khai của bà Võ Thị Bích H về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà H, ông T tại địa phương xác định: Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng bà Võ Thị Bích H, ông Ngô Văn T chung sống hạnh phúc. Sau đó do ông T chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần phải bán hết tài sản để trả nợ, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy mẫu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông T đã thực sự đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H, xử cho bà H được ly hôn với ông Ngô Văn T.

[2.4] Về quan hệ con chung: Bà Võ Thị Bích H xác định vợ chồng bà có 03 con chung tên: Ngô Thị Diễm Q, sinh ngày 25/6/1998; Ngô Quốc T, sinh ngày 23/3/2002; Ngô Nhật V, sinh ngày 08/6/2009. Ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Ngô Nhật V cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu

ông Ngô Văn T cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con Ngô Thị Diễm Q và Ngô Quốc T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về vấn đề con chung, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi vợ chồng bà H, ông T sống ly thân đến nay thì cháu Ngô Nhật V ở với mẹ (bà H). Theo bản tự khai của cháu Ngô Nhật V thì cháu V xác định nếu cha, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ (bà H). Hiện bà H có chỗ ở, có công việc và thu nhập tương đối ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V. Do đó để đảm bảo điều kiện tốt cho cháu V phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung Ngô Nhật V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng cháu Ngô Thị Diễm Q và Ngô Quốc T đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con, do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có.

[3] Về án phí, nguyên đơn bà Võ Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 267, 269, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H đối với ông Ngô Văn Tvề việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

***2.1 Về quan hệ hôn nhân*:** Xử cho bà Võ Thị Bích H được ly hôn với ông Ngô Văn T.

***2.2 Về con chung*:** Giao con chung Ngô Nhật V, sinh ngày 08/6/2009 cho bà Võ Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến kho con đủ 18 tuổi. Ông Ngô Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.3 *Về tài sản chung*: Không có.

2.4 *Về nợ chung*: Không có.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0000889 ngày 26/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường H, quận C;
(số 06 ngày 13/01/1998);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Văn Cương